TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2017/DS-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2017
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông: Hoàng Văn Cường
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Lâm Giang
2. Ông Đào Xuân Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Hương – Thư ký Toà án nhân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Dương Đức Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2017/TLST-DS, ngày 11/7/2017 về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:144/2017/QĐXXST-DS ngày 01/9/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2017/QĐST- DS ngày 19/9/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Văn S - sinh năm 1961 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

2. *Bị đơn*: anh Trần Đăng C - sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1959 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn S ngày 19/6/2017 và các lời khai của nguyên đơn trình bày: ngày 08/4/ 2013 ông S cho anh Trần Đăng C vay số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc và hẹn đến ngày 20/10/2015 anh C trả gốc và lãi. Khi vay anh C nói là vay tiền để giải quyết việc gia đình. Hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền, anh C có gửi lại cho ông S 02 đăng ký xe mô tô để làm tin. Đến ngày

08/4/2013 anh C có đến nhà ông xin lại 02 đăng ký xe mô tô để đi giải quyết công việc gia đình. Để tạo điều kiện cho anh C nên ông S đã trả cho anh C Đến 02 đăng ký xe mô tô 98N8- 0462 và 98Y5 -3211. Sau khi cho anh C vay tiền quá hạn ông gặp anh C để đòi nợ nhiều lần nhưng anh C không trả tiền gốc và lãi. Nay ông yêu cầu anh C phải thanh toán trả cho ông số tiền là 10.000.000 đồng tiền gốc không yêu cầu lãi suất. Ông S cho rằng số tiền ông cho anh C vay chị Giáp Thị L vợ anh C không biết việc vay nợ giữa ông và anh C nên không liên quan đến chị L.

Bị đơn anh Trần Đăng C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày: vào năm 2013 anh có vay của ông Nguyễn Văn S số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc. Khi vay có viết giấy vay tiền, anh C là người viết giấy vay và xác nhận chữ ký Trần Đăng C của người vay tiền trong giấy vay tiền là của anh. Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng mỗi tháng anh C phải trả cho ông S 500.000 đồng tiền lãi. Sau khi vay anh C đã trả cho ông S tiền lãi theo thỏa thuận từ tháng 4 năm 2013 đến tháng 4 năm 2014 các lần anh C trả lãi cho ông S đều không có giấy trả tiền. Kể từ tháng 5 năm 2014 đến nay anh C chưa trả cho ông S tiền gốc và lãi. Số tiền vay ông S chị L vợ anh C không biết. Anh C dùng số tiền vay của ông S vào chi tiêu cá nhân không dùng vào việc gia đình. Đối với hai 02 đăng ký xe mô tô 98N8- 0462 và 98Y5 -3211khi vay tiền anh C đưa cho ông S để quản lý đến ngày 08/4/2013 ông S đã trả lại cho anh C đến nay anh C không yêu cầu xem xét giải quyết. Từ khi vay đến nay anh chưa trả tiền gốc cho ông S. Nay ông S yêu cầu anh phải thanh toán trả số tiền 10.000.000 đồng anh đồng ý trả ông S 10.000.000 đồng tiền gốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có lời khai trình bày: ngày 08//4/2013 chồng bà là ông Nguyễn Văn S có cho anh Trần Đăng C vay số tiền là 10.000.000 đồng. Số tiền ông S cho anh C vay là của chung vợ chồng. Khi vay anh C có viết và ký vào giấy biên nhận vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất thế nào bà không biết. Đến ngày anh C phải trả tiền nhưng không trả ông S đến đòi tiền anh C nhiều lần nhưng anh C không trả tiền gốc và lãi. Nay bà yêu cầu anh C phải trả số 10.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất bà không yêu cầu. Vợ anh C là chị Giáp Thị L không biết việc vay nợ của anh C nên không liên quan gì đến chị L.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thống nhất về việc giải quyết vụ án. Ông S là nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Các đương sự không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Tòa án.

Sau phần tranh luận, kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn ông S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh C đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 144, Điều 1271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh C phải trả cho ông S số tiền gốc 10.000.000 đồng. Về án phí: anh C thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Trần Đăng C đã được tống đạt hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Nên Toà án xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: nay ông Nguyễn Văn S kiện đòi anh Trần Đăng C có trách nhiệm trả khoản tiền vay 10.000.000 đồng tiền gốc là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản".

[3] Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là giấy biên nhận vay tiền có chữ ký của người vay là anh Trần Đăng C ký nhận. Căn cứ vào giấy biên nhận vay tiền đã xác lập giữa các bên và quá trình làm việc giữa ông Nguyễn Văn S kiện đòi nợ anh Trần Đăng C thấy đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi suất.

Ông Nguyễn Văn S đã thực hiện việc cho anh Trần Đăng C vay tiền và có lập giấy biên nhận. Việc vay tiền có chữ ký của anh C. Tại giấy vay tiền anh C vay ông S số tiền 10.000.000 đồng. Thời hạn thanh toán vào ngày 20/10/2015 sẽ thanh toán số tiền vay. Sau khi vay ông S đòi nợ anh C nhưng anh C không trả ông S tiền gốc và lãi.

Về nghĩa vụ trả nợ: căn cứ vào chứng cứ là giấy biên nhận vay tiền trên phù hợp lời khai của ông S là người cho vay. Như vậy, có cơ sở khẳng định việc vay tiền giữa ông Nguyễn Văn S và anh Trần Đăng C là có thực. Ông S có cho anh C vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Ông S xác định số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng đến nay ông S đã đòi nợ nhiều lần nhưng anh C chưa trả.

Anh C xác định anh có vay của ông S số tiền gốc 10.000.000 đồng với lãi suất mỗi tháng là 500.000 đồng, anh đã trả lãi cho ông S đến tháng 4 năm 2013 đến tháng 4 năm 2014. Từ tháng 5 năm 2014 đến nay anh chưa trả ông S tiền gốc và lãi. Đến nay ông S bà H yêu cầu anh trả số tiền gốc đã vay 10.000.000 đồng anh đồng ý trả cho vợ chồng ông S số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy việc anh C vay tiền ông S, chị Giáp Thị L vợ anh C không biết việc vay nợ, anh C vay tiền ông S như nào chị cũng không biết. Anh C không đưa tiền cho chị và cũng

không mua sắm, xây dụng chung trong gia đình. Anh C vay tiền ông S để chi tiêu cá nhân nên cần buộc anh Trần Đăng C có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông S số tiền nợ gốc đã vay là 10.000.000 đồng là có cơ sở. Ông S, bà H không yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về lãi suất.

Đối với hai 02 đăng ký xe mô tô 98N8- 0462 và 98Y5 -3211khi vay tiền anh C đưa cho ông S để quản lý đến ngày 08/4/2013 ông S đã trả lại cho anh C đến nay anh C không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Do các bên không thỏa thuận được về lãi suất sau khi bản án có liệu lực pháp luật nên cần án dụng Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Về án phí: anh Trần Đăng C do thuộc diện hộ cận nghèo nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Hoàn trả ông Nguyễn Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Về quyền kháng cáo các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 194; Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 465; Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự;

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1- Buộc anh Trần Đăng C có nghĩa vụ trả vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H số tiền gốc là: 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/ năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2- Về án phí: anh Trần Đăng C được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông Nguyễn Văn S số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0003764 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Lụật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
-Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Cường

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Đào Xuân Hải	**Nguyễn Lâm Giang**	**Hoàng Văn Cường**

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
-Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Cường

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Đào Xuân Hải	**Nguyễn Quốc Sửu**	**Hoàng Văn Cường**